

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/DS-ST

Ngày: 28-3-2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Hằng;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hương;

2. Ông Trần Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ánh Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Kim Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 553/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2017 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2012, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm: 1980; địa chỉ: Ấp Tân Khai, xã Tân Lập, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Vi Anh T, sinh năm: 1973; địa chỉ: Số 7, ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, (Giấy ủy quyền ngày 20/11/2011), có mặt.

2. Bị đơn: Bà Đoàn Thị N, sinh năm: 1959 và ông Lê Minh T, sinh năm: 1962; cùng địa chỉ: Số nhà 792, đường Điện Biên Phủ, khu phố Hiệp Nghĩa, phường Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ KIẾN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 11 năm 2017, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Văn C và người đại diện theo ủy quyền ông Trần Vi Anh T trình bày:

Bà N mua bán hàng hóa ở Campuchia nên quen biết với anh C. Ngày 12/5/2014, bà N vay anh C số tiền 100.000.000 đồng để trả tiền mua bán hàng hóa, có giấy nợ do bà N viết và ký tên. Bà N hứa bắt đầu ngày 15/10/2014 AL sẽ trả số tiền đó, mỗi tháng trả 10.000.000 đồng. Do làm ăn quen biết và đã cho mượn nhiều

lần tiền nên không tính lãi suất. Đến hạn bà N, ông T không trả tiền, anh C đã đòi nhiều lần nhưng không trả mà cứ hạn. Nay anh C khởi kiện buộc bà N, ông T trả số tiền 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Theo biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng bị đơn bà Đoàn Thị N và ông Lê Minh T trình bày:

Bà N làm ăn mua bán với anh C nên quen biết nhau. Bà N có mượn của anh C 100.000.000 đồng để trả tiền hàng, không tính lãi suất. Bà có viết giấy nhận nợ cho anh C đề ngày 12/5/2014 AL. Sau đó bà có trả được 5.000.000 đồng cho anh C nhưng không có biên bản giao nhận tiền. Do bà làm ăn thua lỗ nên không có tiền trả cho anh C. Bà N xác định còn nợ anh C 95.000.000 đồng.

Ông T khai không biết việc bà N làm ăn, mua bán nên không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của anh C. Mọi việc do bà N quyết định.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; Thư ký thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện anh Trần Văn C yêu cầu bà Đoàn Thị N, ông Lê Minh T; ngụ tại: khu phố Hiệp Nghĩa, phường Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh trả số tiền đã vay là 100.000.000 đồng. Đây là vụ kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh được quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu: Theo giấy nợ bà N xác định viết cho anh C đề ngày 12/5/2014. Bà N hạn ngày 15/10/2014 AL (tức ngày 06/12/2014 DL) bắt đầu trả mỗi tháng 10.000.000 đồng, ngày 6/9/2015 sẽ trả tất nợ. Nhưng đến ngày 6/9/2015 bà N không trả tiền nào cho anh C nên bắt đầu vi phạm hợp đồng vay tiền. Ngày 27/11/2017, anh C khởi kiện yêu cầu bà N trả tiền nên vẫn còn thời hiệu theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 429 của Bộ luật Dân sự.

[3] Bà N, ông T đã được Tòa án Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Anh C khởi kiện yêu cầu bà N, ông T trả số tiền đã vay là 100.000.000 đồng. Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của anh C là giấy nợ đề ngày 12/5/2014 có chữ viết, chữ ký của bà N. Theo biên bản lấy lời khai ngày

05/01/2018 (BL 26), bà N cũng xác định có vay của anh C 100.000.000 đồng để trả tiền hàng. Giấy nợ đề ngày 12/5/2014 là do bà viết và ký tên. Bà đã trả được cho anh C 5.000.000 đồng nhưng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh số tiền bà đã trả cho anh C. Mục đích bà vay tiền là trả tiền hàng hóa bà mua để buôn bán. Ông T không biết việc bà N làm ăn, mua bán và vay tiền của anh C nên bà N tự quyết định mọi việc. Công việc chính của bà N và ông T là buôn bán. Việc bà N vay tiền để trả tiền hàng là phục vụ cho buôn bán của ông bà. Ông T bà N là vợ chồng, hiện vẫn sinh sống chung nhà. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C đối với bà N, ông T là có căn cứ. Ghi nhận anh C không yêu cầu tính lãi.

[5] Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh đề xuất hướng giải quyết: Căn cứ vào các Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 463, 466 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C đối với bà N, ông T. Buộc bà N, ông T có nghĩa vụ thanh toán cho anh C số tiền 100.000.000 đồng, ghi nhận anh C không yêu cầu tính lãi. Án phí dân sự sơ thẩm khác bà N, ông T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Cường đối với ông T, bà N là có cơ sở.

[7] Về án phí: Bà N, ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 463, 466 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn C đối với ông Lê Minh T, bà Đoàn Thị N.

Buộc ông Lê Minh T, bà Đoàn Thị N có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn C số tiền vốn còn thiếu là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Ghi nhận anh C không yêu cầu tính lãi.

2. Về án phí:

- Ông Lê Minh T và bà Đoàn Thị N phải chịu 5.000.000 (năm triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Trần Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh hoàn trả lại cho anh C số tiền tạm ứng án phí đã

nộp 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng tại biên lai thu số 0004839 ngày 27/11/2017.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Tây Ninh;
- VKSNDTP. Tây Ninh;
- CCTHADSTP. Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Dương Thị Bích Hằng